

CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA
PHÒNG ĐIỀU ĐỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 14 tháng 9 năm 2026

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TUẦN 37
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH TUẦN 38

I. Thông số vận hành hệ thống :

a. Công suất sản lượng hệ thống

Thông số	A max ngày (MWh)	A min ngày (MWh)	P max ngày (MW)	P min ngày (MW)	A Tuần	A lũy kế	Sản lượng		
							Nhận HT	Nhận TĐ	Nhận ĐMT
Toàn tỉnh	3106,4	2795,9	210,3	77,3	20594,4	757195,3			
Ngành điện	3094,9	2748,3	210,0	71,6	20332,5	729092,1	8270,8	9404,9	973,1
Tuần 36/2026	3176,6	2901,4	204,8	80,2	21235,9	708759,6	7718,0	10696,6	1122,1
SST 37/36	-2,6%	-5,3%	2,5%	-10,8%	-4,3%	2,9%	7,2%	-12,1%	-13,3%
Tuần 37/2025	3159,4	2688,3	199,8	74,5	20291,3	699999,4	7624,0	9273,1	861,7
SS Cùng kỳ	-1,7%	4,0%	5,2%	3,7%	0,2%	4,2%	8,5%	1,4%	0,0%

Công suất sản lượng thủy điện

HTĐ	Chiềng Ngâm		Sơ Vin		Tổng các TĐ nhỏ	
	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế
A tuần (MWh)	275,6	6695,4	186,9	5201,0	14135,1	320134,9
Pmax (MWh)	1,8		2,8		113,7	
P min (MW)	0,9		0,5		56,4	

b. Công suất sản lượng A17.47 Sơ Vin

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
36	319,3	67,2	29,2	2,8	1,0	5014,1
37	186,9	31,4	20,0	2,8	0,5	5201,0

c. Công suất sản lượng NMTĐ Chiềng Ngâm

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
36	319,6	47,0	42,7	1,8	1,8	6419,8
37	275,6	46,6	19,0	1,8	0,9	6695,4

II. Cắt điện công tác TUẦN 37

Trong tuần thực hiện 20 công việc, trong đó cắt điện kế hoạch 10 vụ, cắt điện đột xuất 03 vụ, công tác hotline 07 (Chi tiết phụ lục I đính kèm). Cụ thể như sau:

- Công tác 110kV: 04 vụ kế hoạch; 01 vụ đột xuất.
- Cắt điện trung áp 07 vụ, cụ thể như sau:
 - + Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 03 vụ kế hoạch; 02 vụ đột xuất.
 - + Tô Hiệu: 02 vụ kế hoạch.
 - + Khách hàng: 01 vụ kế hoạch.
- Công tác hotline 07 phiên tại các Điện lực:
 - + Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 01 phiên hotline.
 - + Phù Yên - Bắc Yên: 04 phiên hotline.
 - + Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 01 phiên hotline.
 - + Tô Hiệu: 01 phiên hotline.
 - + Mường La: 01 phiên hotline.

- Chuyển phương thức cấp điện: Trong tuần thực hiện 02 vụ chuyển phương thức cấp điện từ các lộ đường dây trung áp khi công tác trên lưới điện: 02 vụ kế hoạch.

Đơn vị	Thời gian		ĐTC cắt điện kế hoạch		ĐTC CCB Sự cố			ĐTC CCB lưới điện phân phối		
			Saidi	Saifi	Maifi	Saidi	Saifi	Maifi	Saidi	Saifi
Công ty	Tuần	Tuần 37	12,46	0,01	0,52	3,98	0,08	0,30	7,35	0,10
	Tháng	Thực hiện tháng 9	15,44	0,05	0,98	3,98	0,08	0,60	17,14	0,10
		KH tháng 9	180,59	1,95	4,60	36,79	0,82	0,75	63,08	2,53
		So sánh TH/KH %	8,5%	2,6%	21,3%	10,8%	9,7%	80,3%	27,2%	4,0%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Lũy kế năm	Lũy kế	698,81	5,35	24,89	236,21	2,76	2,19	115,14
	KH năm		1264,01	15,97	28,51	269,02	3,50	2,25	192,59	4,10
	So sánh TH/KH %		55,3%	33,5%	87,3%	87,8%	78,7%	97,4%	59,8%	22,5%
	Đánh giá		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tô Hiệu	Tháng	Thực hiện tháng 9	2,27	0,01	0,06	1,40	0,03	0,02	3,58	0,04
		KH tháng 9	340,27	2,26	3,09	37,71	0,62	0,19	59,71	0,54
		So sánh TH/KH %	0,7%	0,4%	2,1%	3,7%	4,6%	8,9%	6,0%	6,9%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	473,20	2,46	6,88	61,68	1,30	0,49	113,69	0,72
		KH năm	1014,17	4,11	5,77	97,99	1,52	0,66	186,27	1,30
		So sánh TH/KH %	46,7%	59,9%	119,1%	62,9%	85,5%	73,6%	61,0%	55,2%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

III. Lưu ý vận hành TUẦN 38

1. Công tác đảm bảo, ưu tiên cấp điện, thông báo ngừng cấp điện.

2. Công tác giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Đăng kí cắt điện kế hoạch:

Phối hợp cùng các Điện lực thực hiện theo kế hoạch như sau:

- Cắt điện lưới 110kV: 00 vụ.

- Cắt điện lưới trung áp 23 vụ, Điện lực MC-VH: 12 vụ; Điện lực PY-BY: 03 vụ; Điện lực TC-QN: 06 vụ; ĐL Tô Hiệu: 02 vụ.

Vệ sinh, Thi Công hotline, PD thiết bị, lắp SCV; đấu nối TBA 17 vụ; Điện lực MC-VH: 14 vụ. XNLDCT: 03 vụ.

Chi tiết tại phụ lục II đính kèm.

4. Kế hoạch huy động thủy điện nhỏ thuộc quyền điều khiển

Thủy điện	Sản lượng tuần (MWh)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
Chiềng Ngâm	302,4	1,8	1,8
A17.7	2217,6	13,2	13,2
A17.8	403,2	2,4	2,4
A17.9	302,4	1,8	1,8
A17.17	122,5	1	0
A17.18	1344	8	8
A17.19	0	0	0
A17.20	2150,4	12,8	7
A17.26	1512	9	9
A17.32	604,8	3,6	3,6
A17.40	672	4	4
A17.42	252	1,5	1,5
A17.43	1188	7,2	3,6
A17.47	403,2	2,4	2,4
A17.48	1680	10	10
A17.49	420	2,5	2,5
A17.51	168	1	1
A17.53	840	5	5
A17.54	1008	6	6
A17.59	1386	13,2	6,6
A17.61	2016	12	12
A17.64	672	4	4
Tổng	19664,5	122,4	105,4

IV. THÔNG SỐ VẬN HÀNH ĐƯỜNG DÂY VÀ PHÂN ĐOẠN

1. Thông số các xuất tuyến

STT	TRẠM	Đ/D	P(MW)	P(MW)	Q (Mvar)
-----	------	-----	-------	-------	----------

			(Có thủy điện)		(Phụ tải thực tế)			
			Max	Min	Max	Min	Max	Min
1	E17.1	372	0,1	-4,8	4,8	1,3	-0,1	-0,7
		374	0,2	-5,4	8,2	2,5	0,5	-0,5
		376	3,4	1,1	7,1	1,6	0,1	-0,6
		472	-0,3	-3,1	5,7	2,9	0,7	-0,4
		474			5,3	1,7	0,4	-0,1
		476			5,8	1,5	0,3	-0,7
		478			4,1	1,3	0,2	-0,3
		471			5,9	1,4	0,3	-0,2
		473			2,4	0,5	0,0	-0,1
2	E17.2	371			1,7	0,0	0,3	-0,2
		373			9,8	-1,0	-0,1	-1,9
		374			3,5	1,2	0,1	-0,4
		376			0,7	0,0	0,1	0,1
		378			3,7	1,8	0,4	-0,3
		471			2,2	0,4	0,0	-0,1
		473	4,5	1,4	5,9	2,8	0,0	0,0
		474			1,7	0,7	0,1	-0,1
		476			4,8	1,7	0,0	-0,1
		478			1,5	-3,4	0,4	0,4
3	E17.3	371	-5,4	-7,1	2,2	0,9	0,4	-0,6
		375	-1,5	-5,8	4,1	0,9	0,1	-0,9
		377			3,0	0,3	0,1	-0,3
		379	1,6	-3,5			-0,2	-0,7
		381	0,5	-5,5			-0,3	-0,6
		373	0,0	0,0			0,0	0,0
		376	0,0	0,0			0,0	0,0
		378	0,0	0,0			0,0	0,0
		673			0,1	0,1	0,0	0,0
4	E17.4	371	1,3	-8,8	3,9	0,2	0,1	-1,4
		373			6,0	2,0	0,0	-0,4
		375	7,8	2,1	9,6	2,2	0,0	-0,7
		377			2,2	1,1	0,0	0,0
5	E17.5	371			3,2	3,0	0,4	-0,6
		373	4,9	-8,7	7,7	1,1	0,0	-2,0
		375			8	2	0,9	-0,4
		471			2,6	0,9	0,2	-0,1
		472			1,6	0,4	0,1	0,0
		372	0,0	0,0			0,0	0,0
6	E17.30	371			5,7	1,4	-0,5	-0,9
		373	2,2	-5,9	9,9	2,3	-0,2	-1,3
		375	3,5	0,0	7,9	2,4	0,1	-0,9
7	E17.62	371			1,8	0,0	0,0	-0,1
		373			4,5	-1,7	0,5	-0,5
		375			11,9	2,9	0,8	-0,8
		471			1,5	0,1		
		473			1,2	0,4		

8	E17.66	371			5,9	2,0	0,7	-0,2
		373			2,0	-3,4	-0,1	-0,7
		375			0,5	0,2	-0,1	-0,2
9	E17.67	371			0,6	0,2	0,0	-0,1
		373			4,3	1,3	0,0	-0,4
		471			0,6	0,0	0,1	0,0
		473			2,1	0,9	0,0	-0,1
		475			2,1	0,8	0,0	-0,1
		477			2,9	1,1	0,0	-0,2

2. Các trạm cắt phân đoạn.

STT	TRẠM	PHÂN ĐOẠN	Giờ cao điểm			Giờ bình thường			Giờ thấp điểm		
			P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ
1	E17.1 Mộc Châu	372/92 Chiềng Ve	1209	-35	0,99	664	-85	0,97	368	-97	0,98
		372/104 Bản Chiềng Ve	478	-89	0,96	255	-106	0,96	125	-75	0,94
		372/104 Tân Xuân	456	-107	0,98	279	-87	0,98	179	-72	0,99
		374/63 Phú Khoa	1554	-97	0,98	972	-104	0,97	496	-91	0,97
		374/15A Chiềng Khoa	3961	7	0,98	2245	-141	0,97	1433	-175	0,96
		374/8 Bản Đạo	759	-132	0,98	536	-103	0,96	235	-98	0,97
		374/115 Co Súc	808	-110	0,98	523	-136	0,95	314	-101	0,96
		374/9 Mường Tè	767	-159	0,97	469	-93	0,96	318	-117	0,99
		471/105 Tiểu Khu 9	1041	-165	0,98	621	-72	0,97	271	-89	0,97
		472/91 Lóng Luông	1152	-105	0,99	643	-116	0,98	426	-80	0,97
		472/5 Bản Bon	557	-132	0,98	374	-97	0,97	158	-115	0,97
		473/106 Hang Dơi	1604	-136	0,98	958	-98	0,98	598	-67	0,97
		476/76B Pa Khen	2840	-135	0,98	2019	-112	0,96	940	-143	0,97
		478/3C TK 19/8	2238	-139	0,97	1762	-119	0,98	919	-145	0,98
2	E17.2 Sơn La	378/40 NBMS	3884	89	0,98	3245	130	0,97	2326	87	0,96
		378/43/8 Bản Thẳm	210	-94	0,97	160	-106	0,96	133	-94	0,99
		382/30 NBMS	7782	-99	0,96	5380	-139	0,98	3250	-169	0,97
		382/52/47	1767	-172	0,98	1118	-134	0,97	798	-163	0,98

		Nà Tre									
		382/3 Hìn Đón	442	-150	0,91	316	-81	0,86	179	-149	0,66
		382/3 Nà Ốt	1029	-147	0,98	736	-104	0,96	409	-104	0,96
		471/111 Tiểu Khu 1	1235	-107	0,97	1215	-109	0,99	747	-103	0,96
3	E17.3 Mường La	371/2 Bản Tìn	- 14245	182	0,96	- 14336	228	0,95	- 14134	301	0,96
		371/77 Bản Nong	1022	-107	0,99	778	-98	0,97	732	-113	0,98
		371/140 Noong Quang	403	-160	0,96	256	-75	0,9	172	-59	0,85
		375/10 Bản Búng	369	-75	0,94	228	-95	0,76	158	-76	0,96
		375/106/35 Bản Sang	1138	-201	0,97	795	-115	0,97	477	-91	0,96
		375/157 Bản Hụn	798	-155	0,99	559	-108	0,97	400	-100	0,97
		375/184 Sao Va	420	-80	0,89	328	-84	0,86	153	-68	0,87
		375/3 Huổi Phầy	822	-158	0,97	628	-120	0,99	487	-149	0,93
		378/165 Pắc Ngà	570	-127	0,97	395	-171	0,95	237	-143	0,92
		377/28 Hua Nậm	1605	-128	0,96	949	-91	0,97	795	-156	0,99
		377/103 Bản Kẻ	799	-91	0,95	572	-72	0,96	385	-81	0,98
		377/60 Hua Ít	1184	-62	0,99	934	-56	0,98	664	-60	0,97
		377/2 Huổi Phăng	740	-107	0,97	495	-123	0,98	354	-129	0,97
4	E17.4 Thuận Châu	371/6 Bản Hôm	461	-115	0,97	317	-135	0,95	161	-115	0,96
		371/97 Hua Ty	1956	-136	0,96	1130	-108	0,97	1001	-87	0,99
		371/126 Nong Vai	1153	-133	0,97	856	-129	0,99	699	-126	0,98
		371/31 Co Mạ	530	-119	0,95	352	-144	0,97	222	-155	0,97
		371/10 Pha Khuông	432	-120	0,98	283	-149	0,92	154	-114	0,98
		373/3 Bình Thuận	449	-144	0,98	312	-155	0,95	166	-132	0,91
		373/142 Pha Lao	2583	-178	0,98	2067	-90	0,96	1133	-113	0,95
		375/64 Ba Nhất	1009	-158	0,97	701	-104	0,98	507	-93	0,95

		375/124 Bản lào	4788	-177	0,97	3671	-159	0,95	1767	-164	0,94
		375/285 Bản Đông	2572	-210	0,97	1984	-117	0,98	1231	-152	0,97
		375/5 Bản Ca	874	-190	0,97	526	-90	0,98	384	-150	0,96
		375/381 Phiêng Lanh	1849	-93	0,97	1297	-117	0,96	858	-150	0,95
		375/480 Bản Cút	832	-195	0,96	520	-185	0,89	301	-197	0,92
		375/4 Co Lúu	431	-128	0,78	269	-150	0,73	199	-118	0,72
		375/4 Hua Cầu	559	-144	0,95	408	-166	0,85	357	-80	0,86
5	E17.5 Phù Yên	371/1 Bản Pa Liên Lạc	2931	-195	0,98	2451	-150	0,97	1899	-138	0,97
		371/128 Suối Nhào	498	-79	0,96	311	-82	0,92	278	-158	0,89
		371/406 Bản Nhèm	419	-99	0,95	280	-120	0,83	204	-116	0,73
		371/1 Đồng Mã	385	-165	0,95	237	-81	0,85	189	-51	0,76
		373/101 Bản Mòn	4814	-227	0,97	4000	-142	0,96	2907	-222	0,97
		373/2 Tiểu Khu 1	377	-152	0,98	316	-104	0,88	228	-93	0,63
		373/107 Xím Vàng	430	-112	0,82	307	-38	0,95	169	-94	0,74
		373/1 Háng Đồng	302	-156	0,93	211	-75	0,82	176	-144	0,56
		373/255 Bản Khoa	760	-102	0,98	470	-82	0,94	300	-112	0,95
		373/221 Suối Song	590	-123	0,95	340	-141	0,83	220	-110	0,81
		373/8 Tiểu Khu 2	1441	-173	0,99	1108	-76	0,97	685	-69	0,97
		373/7 Tà Đò	497	-123	0,93	397	-133	0,79	276	-100	0,72
		375/124 Bản Ban	2062	-83	0,97	1402	-89	0,98	893	-90	0,97
		375/9 Bơm Nước	522	-85	0,95	314	-118	0,95	298	-84	0,93
		375/453/6 Bản Cải	2086	-118	0,98	1560	-131	0,95	840	-96	0,97
		375/391 Mường Do	1355	-196	0,98	867	-165	0,95	504	-107	0,86
6	E17.30 Sông Mã	371/122 Sôm Pôi	1307	-138	0,98	737	-129	0,93	418	-186	0,85
		371/53/167A Mường Lạn	523	-167	0,97	283	-110	0,94	152	-99	0,62

		371/159 Bản Bánh	498	-135	0,9	265	-164	0,71	164	-81	0,56
		371/5 Bản Khá	452	-86	0,92	266	-121	0,89	185	-99	0,63
		373/4 Bang Búng	390	-177	0,94	268	-104	0,83	242	-88	0,62
		373/108 Nà Nghiu	4194	-207	0,97	3956	-183	0,96	2898	-129	0,97
		373/2 Phiêng Đồn	2598	-197	0,99	2184	-181	0,98	1670	-136	0,96
		373/1 Bản Nấu	554	-168	0,98	376	-185	0,94	299	-177	0,92
		373/67 Mường Lằm	1220	-181	0,96	743	-176	0,96	535	-142	0,89
		375/152 Bản Nhạp	4250	-207	0,97	3396	-168	0,98	2854	-157	0,96
		375/289 Bản Pục	810	-131	0,96	553	-168	0,95	203	-116	0,8
7	E17.62 Mai Sơn	373/77/6 Tinh Bột Sắn	1657	-145	0,99	1250	-101	0,96	786	-174	0,97
		375/104/8 Bản Lếch	1032	-143	0,99	847	-63	0,97	387	-109	0,93
		375/115/3 Cò Nòi	2187	-180	0,98	1426	-144	0,96	641	-140	0,96
		375/8/21 Nà Bó	1403	-162	0,98	747	-173	0,97	497	-96	0,96
		375/8/165 Pắc Ngà	566	-125	0,97	349	-59	0,94	217	-42	0,96
8	E17.66 Yên Châu	373/5 Tô Buông	516	-172	0,97	335	-86	0,93	178	-70	0,84
		373/107 Tà Làng 1	2665	-236	0,98	1986	-92	0,97	1278	-163	0,96
		373/3 Hát Sét	431	-124	0,90	228	-128	0,71	189	-100	0,69
		371/4 Ban Đán	1596	-211	0,98	989	-147	0,95	630	-136	0,94
9	E17.67 Sơn La 2	373/68 Phiêng Tam	2265	-160	0,97	1581	-153	0,99	1140	-137	0,96
		373/35/3 Chiềng Cọ	657	-114	0,99	561	-129	0,94	379	-106	0,96
		373/35/3 Chiềng Đen	1081	-163	0,99	878	-166	0,98	599	-95	0,97

Phụ lục I
CHI TIẾT CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 37

STT	Công tác	Giờ dự kiến		Giờ thực hiện		Ngày bắt đầu	Đơn vị	Nội dung	Ghi chú
		Bắt đầu	Kết Thúc	Bắt đầu	Kết Thúc				
1	Khóa F79 MC 375 E17.5 Phù Yên	7:30	17:30	7:38	16:43	7/9/26	Phù Yên	ĐL Phù Yên vệ sinh hotline đ/d từ VT 40-44A và từ VT 16/2-16/21.	hotline
2	Chuyển tự dùng E17.1 Mộc Châu từ C32 sang C42	14:00	14:30	13:55	14:06	7/9/26	XNLĐCT	Đảm bảo thiết bị < 90 ngày	KH
3	Cô lập đ/d 172 E17.1 (Mộc Châu) - 172 E19.6 (Mai Châu)	6:00	16:30	6:09	16:00	8/9/26	XNLĐCT	B17 kiểm tra phụ kiện, vệ sinh sứ, thay sứ từ VT 91 đến VT 122 PCPT (khu vực B19) kết hợp công tác: - Vệ sinh cách điện, đo kiểm tra khoảng cách leo các cột néo, xử lý thoát sét ngọn cột, sửa chữa khiếm khuyết từ xà pooc tích ngăn 172 E19.6 Mai Châu đến VT cột 91 đường dây	KH
4	Cô lập đ/d 172 E17.5 (Phù Yên) - 171 A17.57 (TĐ Mường Bang)	6:00	17:00	6:01	12:28	8/9/26	A17.57 Mường Bang	A17.57: Xử lý chống sét vị trí 43 và kiểm tra phóng sứ vị trí 62	KH
5	Khóa F79 lộ 375 E17.5 Phù Yên	7:30	17:30	7:21	16:44	8/9/26	Phù Yên	Vệ sinh cách điện Hotline đ/d 375 E17.5 từ VT 27-70 và VT 76/5-76/5/2- VT 76/5/7	Hotline
6	Cô lập T2, MC 132, 332, 432 E17.5 (Phù Yên).	1:00	16:00	1:14	15:28	9/9/26	XNLĐCT	- Thay thế MC 132 ngăn lộ 132; hoàn thiện đầu nối, thí nghiệm, hiệu chỉnh và nghiệm thu hệ thống nhất thứ, nhị thứ, điều khiển, bảo vệ và SCADA trạm E17.5 Phù Yên. - Vệ sinh công nghiệp, xử lý khiếm khuyết thiết bị TI 132,	KH

								DCL 132-3, MBAT2, MC 332, 432	
7	Khóa F79 lộ 371/1 Bản Pa LL E17.5 Phù Yên	7:30	15:30	7:30	16:31	9/9/26	Phù Yên	ĐL Phù Yên vệ sinh cách điện hotline đ/d từ VT 61/4-61/29	hotline
8	Tách ngăn lộ 131, 331, 431, MBAT1 trạm E17.5 Phù Yên	1:00	22:00	0:50	0:24	10/9/26	XNLĐCT	XNCT Sơn La Thay thế MC 131, DCL 131-3; Thay thế tủ ĐKBV ngăn lộ 131, tủ điều khiển xa MBAT1, tủ MK 131, cáp nhị thứ; hoàn thiện đấu nối, thí nghiệm, hiệu chỉnh và nghiệm thu hệ thống nhất thứ, nhị thứ, điều khiển, bảo vệ, SCADA ngăn lộ 131 và MBA T1. Vệ sinh công nghiệp, xử lý khiếm khuyết thiết bị TI 131, MBAT1, MC 331, 431 trạm E17.5 Phù Yên.	KH
9	Tách đ/d 176 E17.6 (220kV Sơn La) - 173 E17.2 Sơn La; Tách ngăn lộ 173 Trạm E17.2 Sơn La	8:30	13:00	9:23	16:28	10/9/26	XNLĐCT	- Kiểm tra, thí nghiệm TU173 E17.2 có tiếng kêu bất thường. - Xử lý ép và dây dẫn bị đứt sợi pha A khoảng cột VT 28 sang VT 29 nguy cơ sự cố	ĐX
10	Khóa F79 PĐ 373/168/10 Tiểu khu 2,	7:30	11:30	12:04	13:27	10/9/26	Phù Yên	ĐL Phù Yên thi công hotline câu đầu TBA Triệu Quang Chiến tại VT 168/62/2A	Hotline
11	Tách Đ/d PĐ 371/126 Noong Vai từ CDPT 371-7/153/6 Bản Cát - TBA TBA Pá Chả A	7:30	17:30	7:30	17:37	11/9/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu Dựng cột & lắp LBS tại VT 153/6M. Thay xà & lắp LBS tại VT 153/15/4	KH
12	Tách Đ/D 371 E17.2 Sơn La - DCL 371-7/59 TG 2/9	7:10	14:00	7:37	12:10	11/9/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu thay xà, căng dây nâng cao khoảng cách pha đất từ VT 56-VT 58.	KH
13	Khóa F79 đ/d 375 E17.3 Mường La - Mường Bú.	14:00	17:00	14:15	18:02	11/9/26	Mường La	ĐL Mường La thi công hotline câu đầu TBA Bản kết 2 VT 41/2	Hotline
14	Tách ĐX đ/d PĐ 371/126	15:30	16:30	15:23	18:18	11/9/26	Thuận	ĐL Thuận Châu xử lý DCL 371-	ĐX

	Nong Vai từ DCL 371-7/143 Bản Mới - Chiềng Phung (Sông Mã)						Châu	1/156/3 Bản Cát bị bung má đồng, không đảm bảo VH	
15	Tách Đ/d 373 E17.4 từ CDPT 373-7/42 Tạng Phát - DCL 373-1/100 Mô Cống	7:30	16:00	7:34	17:25	12/9/26	Thuận Châu	Lắp chụp, thay xà, lắp LBS, DCL tại VT 42A, Lắp DCL các VT 86 VT 87, lắp MC VT 87, Lắp LBS VT 58/3 & VT 85/47	KH
16	Khóa F79 đ/d 473 E17.2	7:30	12:00	7:50	11:04	12/9/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu thi công hotline câu đầu TBA Cung Văn hóa tại VT137/2	Hotline
17	Đóng điện đ/d 473 E17.2 từ LBS 473-7 CVH Thiếu Nhi - TBA CVH Thiếu Nhi	11:45	12:00	11:10	11:17	12/9/26	Tô Hiệu	Đóng điện công trình mới đưa TBA CVH Thiếu Nhi vào VH	KH
17	Tách đường dây PD 373/36/2 Bản Ngà - TBA Tín Tốc	7:30	16:30	7:30	16:41	13/9/26	Thuận Châu	PV ĐL Thuận Châu dựng lắp LBS VT 36/40/1M, lắp LBS tại VT 36/50 & 36/60/2. Kết hợp cải tạo đ/d từ 2 pha lên 3 pha từ VT 36/60/19 - TBA Hua Công. Thay MBA 2 pha lên 3 pha kèm tủ phân phối và các thiết bị.	KH
19	Khóa Đ/d PD 375/480 Bản Cút - TBA Nà Mùn 2.	7:30	11:30	8:55	10:56	13/9/26	Thuận Châu	Thi công Hotline: Đầu nối cTBA CSCN Lưu Công Thức vào Đ/d đang vận hành. Tại VT 553/28 (Không đóng điện TBA vào VH)	Hotline
20	Tách ĐX đ/d PD 375/124 Bản Lào - LBS 373-7/239 Huội Cúa	18:00	18:05	18:00	18:03	13/9/26	Thuận Châu	ĐL TC-QN gỡ cây tre do dân chặt cây ngoài hành lang có nguy cơ đổ vào đ/d tại VT 169	ĐX

Phụ lục II
CHI TIẾT KẾ HOẠCH CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 38

STT	Đơn vị công tác	Tên thiết bị, đường dây	Thời gian dự kiến			Nội dung công việc
			Ngày	Từ giờ	Đến giờ	
1	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 374/63 Phú Khoa từ DCL 374-7/90/1 Nhà Sài → TBA Ta Lánh	14/9	07.20	16.00	Lắp xà & LBS tại VT 90/9. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2025)
2	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 374/63 Phú Khoa từ DCL 374-7/101/1 Thống Nhất → TBA Suối Cầu	14/9	07.20	16.00	Lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 101/2. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2025)
3	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 374/63 Phú Khoa từ DCL 374-7/123/1 Đoàn Kết → TBA Tà Lại 2	14/9	07.20	16.00	Lắp xà & LBS và phụ kiện tại VT 123/3. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2025)
4	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 371/84/2 Hua Ty từ DCL 371-1/46/1 Pá Uôi - TBA Pá Uôi	14/9	7.25	16.00	Dựng cột & lắp LBS tại 84/46/1M
5	Điện lực PY-BY	Tách Đ/d PĐ 373/221 Suối Song từ DCL 373-1/221 Suối Song → Nậm Lộng	14/9	7.30	12.30	Ngăn ngừa sự cố, XLKK: thay 15 quả sứ VHD, 8 bát sứ thủy tinh U70, 09 quả CSV không đảm bảo vận hành, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ Từ VT 221/6 ÷ VT 221/102
6	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 374/15 Chiềng Khoa Từ DCL 374-1/15 Chiềng Khoa → TĐ Suối Tân 1 → TBA Nhà Pa → MC 374/8 Bản Đạo → MC 374/115 Co Súc (Tách lèo 06h00 đến 06h45. Đẩu lèo 12h15 đến 13h00)	15/9	06.00	13.00	Tách lèo VT 61/56 PV: - Nâng / hạ độ cao phù hợp DCL 374-7/28/4C Nhà Tén, lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 61/28/4C . - Lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 61/54; (DA nâng cao độ TCCCD năm 2025) - Thay xà, lắp đặt & đẩu nối 01 DCL, LBS và phụ kiện tại VT 61/28/41 (DA nâng cao độ TCCCD năm 2026)
7	XNLD CT	Ngăn lộ 131, 132; MBAT1; MBAT2; 172, 112, TUC11, TUC12 Trạm E17.2 Sơn La	15/9	7.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline
8	Điện lực MC-VH	Đ/d 476 E17.1 Mộc Châu → Tân Lập → Tân Hợp.	15/9	07.30	17.30	Thi công Hotline: - Thay 01 bát sứ IIC70 tại pha B VT 10, - Thay 01 bát sứ IIC7 pha C tại VT 4/3, - Thay 01 bát sứ IIC7 pha B tại VT 77/17 - Lắp đặt 01 bộ CSV trên đ/d. tại VT 76.
9	Điện lực	Đ/d PĐ 372/104 Tân Xuân → TBA Cột Mốc	15/9	07.30	09.30	Thi công Hotline:

	MC-VH					- Lắp đặt CSV trên đ/d tại VT 92/191/2, 92/170.
10	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 372/104 Bản Chiềng Ve → TBA Cửa Khẩu	15/9	13.30	17.30	Thi công Hotline: - Lắp đặt CSV trên đ/d tại các VT 105, 116.
11	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 371/10 Pha Khuông từ DCL 371-7/22/30 Lọng Hẹ- Thẩm Ôn	15/9	11.00	18.30	Thay xà Lắp LBS tại các VT 122/22/31; VT 122/22/58/2; VT 122/22/79/1; VT 122/22/81/2; lắp DCL VT 122/22/79
12	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 374/8 Bản Đạo từ CDPT 374-1/8 Bản Đạo → TBA Bản Bó	16/9	06.30	16.30	thay thế cột tại VT 61/64/54. Lắp đặt LBS, DCL và phụ kiện tại VT 61/64/54 (MXD). (DA nâng cao độ TCCCĐ năm 2025) '- Thi công: Nâng/hạ độ cao phù hợp DCL 374-7/51/1 Chiềng Đa, lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 61/64/51/1 (DA nâng cao độ TCCCĐ năm 2026)
13	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 374/115 Co Súc từ CDPT 374-7/61/134 Song Khũa → TBA Bản Zón	16/9	06.30	16.30	Lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 61/136. (DA nâng cao độ TCCCĐ năm 2025)
14	XNLĐ CT	Ngăn lộ 174; 173; 171; 371 Trạm E17.2 Sơn La	16/9	7.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline
15	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 371/31 Co Mạ từ CDPT 371-7/122/59 Po Mậu - TBA Pá Sang	16/9	7.30	16.00	Thay xà & Lắp LBS tại các VT 122/61; 122/83/5; 122/88/2
16	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 371/31 Co Mạ từ DCL 371-7/50/1 Pá Púa - TBA Pá Púa	16/9	7.30	16.00	Dựng cột & lắp LBS tại VT 122/50/1M
17	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/82 Pa Khen → Tân Lập → Tân Hợp.	16/9	07.30	17.00	Thi công Hotline: - Thay 01 quả sứ đứng VHD tại pha B VT 83/2. - Thay 01 bát sứ IIC70 tại pha A tại VT 102, 110 - Lắp đặt 01 bộ CSV trên đ/d. tại VT 111.
18	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 372/104 Bản Chiềng Ve → TBA Cửa Khẩu	16/9	07.30	14.00	Thi công Hotline: - Lắp đặt CSV trên đ/d tại các VT 135/2, 149, 143/9.
19	Điện lực PY-BY	Tách đ/d PĐ 375/453/6 Bản Cải Từ CDPT 375-1/496 Bản Bang → Bản Dinh	16/9	7.30	12.30	Ngăn ngừa sự cố, XLKK: thay thế 06 quả sứ bị phóng điện, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ từ VT 497 ÷ VT 593
20	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 372/92 Chiềng Ve → LBS 372-1/92/57 Co Phương	16/9	14.30	17.00	Thi công Hotline: - Lắp đặt CSV trên đ/d tại VT 92/26/2 .
21	Điện lực	Tách đ/d PĐ 374/9 Mường Tè từ CDPT 374-	17/9	06.00	17.00	Nâng/hạ độ cao phù hợp DCL 374-7/55/2 Pơ Tào ,

	MC-VH	7/94/48 Bản Nhúng → TBA Pơ Tào → TBA Bản Cong				lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 61/94/55/2 . Lắp xà, LBS và phụ kiện tại VT 61/94/50. (DA nâng cao độ TCCCĐ năm 2025) Thay xà, lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 61/94/55/29 . Nâng/hạ độ cao phù hợp DCL 374-7/67/2 Nà Bai, lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 61/94/67/2 . Thay xà, lắp đặt DCL, LBS và phụ kiện tại VT 61/94/69 .(DA nâng cao độ TCCCĐ năm 2026)
22	XNLD CT	Ngăn lộ 373; 331; 312; TUC31 Trạm E17.2 Sơn La	17/9	7.30	11.30	Vệ sinh cách điện Hotline
23	Điện lực Tô Hiệu	Tách Đ/D PĐ 382/52/47 Nà Tre từ MC 382/52/47 Nà Tre Đến TBA Bản Bon (Bản Lầm).	17/9	7.30	18.00	Lắp chụp thép, Lắp đặt LBS và các phụ kiện kèm theo tại VT 52/105/2; Tại VT 52/105/34/2 DA Nâng cao năng lực LĐ; - Thay thế cột tại VT 52/65/6+VT 52/65/7, Lắp chụp thép tại VT cột 52/65/1 P. Vụ nâng cao trình pha đất đ/d; - Lắp DCL tại VT 52/73/13; - Tháo LBS đ/d 382-7/52/70 Bản Mé tại VT 52/70; Tháo LBS đ/d 382-7/65/2 Bản Mỷ tại VT 52/65/2 PV kiểm tra sửa chữa, kiểm định.
24	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/82 Pa Khen → Tân Lập → Tân Hợp.	17/9	07.30	13.00	Thi công Hotline: - Lắp đặt CSV trên đ/d Tại các VT 145, 153/39, 153/50.
25	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/165/14 Tân Lập → TBA Cà Đặc.	17/9	13.30	17.00	Thi công Hotline: - Lắp đặt 01 bộ CSV trên đ/d tại VT 165/16 .
26	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 372/104 Bản Chiềng Ve → TBA Cửa Khẩu	17/9	07.30	17.00	Thi công Hotline: - Thay 01 bát sứ IIC70 pha C bị vỡ tại VT 127. -Thay 01 bát sứ IIC70 pha B bị vỡ tại VT 137.
27	Điện lực Tô Hiệu	Tách Đ/D 374 E17.2 từ DCL 374-7/51/18A đến CDPT 374-7/51/75 Bản Ái.	18/9	7.30	10.30	Thay xà căng dây nâng cao khoảng cách pha đất VT VT 51/74.
28	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 372/104 Tân Xuân từ CDPT 372-7/92/177 Xuân Nha → TBA Cột Mốc	18/9	07.30	16.30	Lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 92/191/4 Nâng/hạ độ cao phù hợp DCL 372-7/206/1 Sa Lai 2

						. Lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 92/206/1. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2025)
29	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 372/92 Chiềng Ve từ DCL 372-7/92/21 Chiềng Sơn → CDPT 372-7/92/56 Co Phuong → TBA Hin Pén.	18/9	07.30	12.30	Nâng/hạ độ cao phù hợp DCL 372-7/92/1 Chiềng Sơn, lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 92/26/1. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2026) - Kết hợp VSCN, SLKK đ/d từ VT 92/31 - VT 92/53.
30	Điện lực PY-BY	Tách PĐ 373/255 Bản Khoa từ DCL 373-7/339/1 Keo Bó → Pá Đông	18/9	7.30	12.30	Ngăn ngừa sự cố, XLKK, thay 9 quả sứ VHD, 6 bát sứ thủy tinh U70, 06 quả CSV không đảm bảo vận hành, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ Từ VT 339/2 ÷ TBA Pá Đông
31	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/165/14 Tân Lập → TBA Cà Đặc.	18/9	07.45	17.00	Thi công Hotline: - Lắp đặt 01 bộ CSV trên đ/d tại các VT 165/58, 165/79, 165/93, 165/77/8 .
32	Điện lực MC-VH	Đ/d 372 E17.1 Mộc Châu → TBA Cửa Khẩu	18/9	07.45	17.00	Thi công Hotline: - Lắp đặt CSV trên đ/d tại các VT 3A, 14, 24. - Thay 01 bát sứ IIC70 tại pha A VT 23
33	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 375/480 Bán Cút từ sau DCL 375-7/587/6 Nậm Ngừa - TBA Nậm Ngừa 2	18/9	8.00	14.30	Lắp đặt dây chống sét và kim thu sét từ VT 587/16 - TBA Nậm Ngừa 2
34	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 373/142 Pha Lao - CDPT 373-7/197 Pom Mường	19/9	6.30	16.30	Dựng cột, tháo, di chuyển MC 373/142 Pha Lao lắp tại VT 173M. Lắp DCL VT 173M; VT 193/2; VT 174/1; Lắp LBS VT 193/2; VT 174/1. Kết hợp lắp chụp nâng cao khoảng cách pha đất từ VT 162 đến VT 163; 176 đến VT 177
35	Điện lực MC-VH	Đóng DCL 374-7/1 LL 373 HB cấp điện đ/d 374 E17.1 Mộc Châu hỗ trợ - MC 371 Ềnh - Yên Hòa (Đ/d 376 E10.1 Hòa Bình)	19/9	5.50	14.10	Cấp điện hỗ trợ đ/d 376 E10.1 Hòa Bình (P=2.0 MW) TB Đồng Chum và Suối Nhạp dự kiến phát 5 MW vào các khung giờ cao điểm.
36	Điện lực MC-VH	Tách đ/d PĐ 374/63 Phú Khoa từ DCL 374-1/63 Phú Khoa → Trạm cắt Vạn Yên .	19/9	07.30	16.30	Nâng/hạ độ cao phù hợp CDPT 374-7/124 Kè Tèo, PV lắp đặt MC RECLOSE và phụ kiện tại VT 124. - Thu hồi LBS 374-7/126 Kè Tèo tại VT 126 (di chuyển lắp đặt tại VT 144/3) Nâng/hạ độ cao phù hợp DCL 374-7/160/1 Quy Hướng, PV lắp đặt LBS tại VT 160/1. (DA nâng cao

						độ TCCCD năm 2025) Thay xà, lắp đặt i 01 DCL, LBS và phụ kiện tại VT 88/4. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2026) Lắp xà néo, Lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 144/3. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2025)
37	Điện lực MC-VH	Đ/d 372 E17.1 Mộc Châu → TBA Cửa Khẩu	19/9	07.45	17.00	Thi công Hotline: - Lắp đặt CSV trên đ/d tại các VT 34, 43, 49/6, 76/3, 84, 88/14, 88/26, 88/34/6 .
38	Điện lực MC-VH	Tách đ/d 374 E17.1 Mộc Châu → DCL 374-1/63 Phú Khoa → DCL 374-1/15 Chiềng Khoa	20/9	06.00	17.00	Dựng 02 cột tại giữa khoảng cột VT 56- 57, lắp đặt LBS, 01 DCL và phụ kiện tại VT 56A (MXD) . (DA nâng cao độ TCCCD năm 2025) Thay xà, Thay CDPT 374-7/61/1 Chiềng Khoa bằng DCL, lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 61/1. Thay xà, lắp đặt LBS và phụ kiện tại VT 52/2 . (DA nâng cao độ TCCCD năm 2026)
39	Điện lực MC-VH	Đ/d 372 E17.1 Mộc Châu → TBA Cửa Khẩu	20/9	07.30	17.00	Thi công Hotline: - Lắp đặt CSV trên đ/d tại các VT 88/53, 93, 92/4/2. - Thay 01 bát sứ IIC70 tại pha C tại VT 58/82
40	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 372/92 Chiềng Ve từ LBS 372-1/92/57 Co Phương → TBA Cột Móc (Phần đ/d đang nhận điện từ đ/d 376)	20/9	07.30	12.30	Thi công Hotline: - Lắp đặt CSV trên đ/d tại VT 92/95.